

Số: 89 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 28 tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ngày 14 tháng 11 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 506/TTr-CCBVMT ngày 28 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam, địa chỉ tại số 469, đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trung tâm Thương mại Tổng hợp Lotte Bình Dương có địa chỉ tại Khu đô thị The Seasons Bình Dương, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trung tâm Thương mại Tổng hợp Lotte Bình Dương.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu đô thị The Seasons Bình Dương, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6520318503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 8 năm 2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 02

tháng 6 năm 2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 0304741634-003 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 19 tháng 03 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 0304741634-003

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm thương mại phức hợp, bao gồm khu siêu thị bán hàng tự chọn và khu vui chơi giải trí.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án 21.310m².
- Trung tâm Thương mại diện tích: 10.870,22m² (tổng diện tích sàn xây dựng cả tầng hầm: 28.986,11m²) gồm 01 tầng hầm và 03 tầng cao.

- Quy mô: Dự án nhóm A (Căn cứ vào khoản 5 điều 8 Luật đầu tư công), dự án không thuộc danh mục ngành nghề gây ô nhiễm môi trường theo phụ lục II, Nghị định 08/2022/NĐ-CP nên dự án thuộc phân loại nhóm II tại mục số 2 phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

- Công suất: khoảng 10.000 người/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu

cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28 tháng 11 năm 2022 đến ngày 28 tháng 11 năm 2032).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trung tâm Thương mại Tổng hợp Lotte Bình Dương tại Khu đô thị The Seasons Bình Dương, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công ty CP Trung tâm Thương mại Lotte VN - CN Bình Dương;
- UBND TP. Thuận An;
- UBND phường Lái Thiêu;
- Công Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang7.

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89 /GPMT-STNMT ngày 28 tháng 11 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh (bệ xí, âu tiểu) với lưu lượng tối đa khoảng 42 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp, lavabo, nước thải tắm giặt... với lưu lượng tối đa khoảng 252 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình chế biến thức ăn từ nhà bếp với lưu lượng tối đa khoảng 56 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu Bình Hòa, đến rạch Vĩnh Bình và đổ ra sông Sài Gòn.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hố ga F6 nằm phía Tây Trung tâm thương mại trên đường nội bộ N2, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°): X(m) = 1206158, Y(m) = 604828.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 350 m³/ngày.đêm (trung bình 14,58m³/giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được bơm đầu nổi vào hố ga F6 nằm phía Tây Trung tâm thương mại bằng tuyến ống Inox đường kính D500mm, dài 14m sau đó thoát theo phương thức tự chảy ra hệ thống thoát nước trên Quốc lộ 13 để thoát về kênh tiêu Bình Hòa, đến rạch Vĩnh Bình và đổ ra sông Sài Gòn.

- Hình thức xả: Dùng bơm tự động.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt, Cột B, K = 1) trước khi thải ra môi trường, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Tần suất quan trắc chất lượng nước thải ba (03) tháng/ lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000		
5	Sunfua (H ₂ S)	mg/L	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10		
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	10		
11	Coliform	MPN/100mL	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải đen (phát sinh từ nhà vệ sinh, bể xí, âu tiêu) → đường ống thu gom PVC D125mm → Bể tự hoại ba ngăn đặt dưới tầng hầm (số lượng: 01 bể, thể tích 64,7m³) → Trạm xử lý nước thải công suất 350 m³/ngày.

- Nguồn số 02: Nước thải xám từ bồn rửa chén, bếp, lavabo, nước thải tắm giặt,... → Song chắn rác (tự chảy bằng đường ống PVC D50mm-D300mm) → Bể lắng cát → Bể tách dầu mỡ → Trạm xử lý nước thải công suất 350 m³/ngày.

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình chế biến thức ăn, từ nhà bếp → Song chắn rác (tự chảy bằng đường ống PVC D50mm-D300mm) → Bể lắng cát → Bể tách dầu mỡ đặt dưới tầng hầm → Trạm xử lý nước thải công suất 350 m³/ngày.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể Aerotank → Bể hiếu khí sinh học có giá thể → Bể lắng → Bể sinh học → Bể khử trùng → Hồ ga F6 nằm phía Tây Trung tâm thương mại trên đường nội bộ N2, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (bằng bơm chìm 3HP).

- Công suất thiết kế: 350 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét trạm đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của trạm xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và trạm thoát nước.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong trạm thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của trạm, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của trạm. Đảm bảo vận hành trạm theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trường hợp xảy ra sự cố, có khả năng tràn đổ nước thải, Chủ dự án phải tiến hành dừng hoạt động hoặc giảm công suất; tiến hành rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành trạm để xác định nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục, cải tạo hoặc nâng cấp công trình xử lý; đồng thời báo cơ quan có chức năng để phối hợp xử lý.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành trạm theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của trạm xử lý.

- Khi trạm xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí (bố trí máy dự phòng) của bể hiếu khí khi có sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 4, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (Công ty đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp

bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án Trung tâm thương mại tổng hợp Lotte Bình Dương tại Giấy xác nhận số 699/GXN-STNMT ngày 14 tháng 3 năm 2014).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo xử lý nước thải theo quy định về phân vùng bảo vệ môi trường nước mặt được ban hành tại Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.
- Cập nhật sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.
- Đảm bảo phương án đấu nối, các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89 /GPMT-STNMT ngày 28 tháng 11 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

STT	Nguồn khí thải	
01	Nguồn khí thải số 01	Mùi phát sinh tại ống thoát khí của công trình xử lý mùi hôi từ trạm xử lý nước thải công suất 350m ³ /ngày
02	Nguồn khí thải số 02	Mùi từ khu vực tiệm bánh mì-Bakery; cửa hàng đồ ăn Delica
03	Nguồn khí thải số 03	Mùi từ khu vực tiệm bánh và nhà hàng KFC
04	Nguồn khí thải số 04	Mùi từ khu vực nhà hàng Lotteria
05	Nguồn khí thải số 05	Mùi từ khu vực Quầy thịt, cá, kho thịt và cá
06	Nguồn khí thải số 06	Mùi từ khu vực Quán cafe, khu vực nhượng quyền.
07	Nguồn khí thải số 07	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của máy phát điện dự phòng tại tầng hầm (công suất 1.500KVA).

2. Dòng mùi hôi, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°)
01	Dòng khí thải số 01	Mùi phát sinh tại ống thoát khí của công trình xử lý mùi hôi từ trạm xử lý nước thải công suất 350m ³ /ngày	X(m) = 1205683; Y(m) = 686993
02	Dòng khí thải số 02	Mùi từ khu vực tiệm bánh mì-Bakery; cửa hàng đồ ăn Delica	X(m) = 1206499; Y(m) = 686845
03	Dòng khí thải số 03	Mùi từ khu vực tiệm bánh và nhà hàng KFC	X(m) = 1206489; Y(m) = 686835

04	Dòng khí thải số 04	Mùi từ khu vực nhà hàng Lotteria	X(m) = 1206478; Y(m) = 686837
05	Dòng khí thải số 05	Mùi từ khu vực Quầy thịt, cá, kho thịt và cá	X(m) = 1206482; Y(m) = 686832
06	Dòng khí thải số 06	Mùi từ khu vực Quán cafe, khu vực nhượng quyền.	X(m) = 1206483; Y(m) = 686841
07	Dòng khí thải số 07	Khí thải tại ống thoát khí đầu ra của máy phát điện dự phòng tại tầng hầm	X(m) = 1206330; Y(m) = 604985.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả khí thải tối đa là 8.700m³/giờ (145m³/phút).
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải tối đa là 17.100 m³/h.
- Dòng khí thải số 03: lưu lượng xả khí thải tối đa là 10.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 04: lưu lượng xả khí thải tối đa là 10.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 05: lưu lượng xả khí thải tối đa là 20.950 m³/h.
- Dòng khí thải số 06: lưu lượng xả khí thải tối đa là 2.500 m³/h.
- Dòng khí thải số 07: lưu lượng xả khí thải tối đa là 1.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Xả liên tục (24/24h).
- Dòng khí thải số 02, 03, 04, 05, 06: Xả gián đoạn (khi có hoạt động chế biến).
- Dòng khí thải số 07: Xả gián đoạn (khi có hoạt động máy phát điện).

2.2.2 Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $k_p=0,9$, $k_v=0,8$ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Nguồn thải số 01					
1	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98
2	NH ₃	mg/Nm ³	50		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		

Nguồn thải số 02, 03, 04, 05, 06				98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, chủ dự án tự đề xuất quan trắc với tần suất 3 tháng/lần	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
1	n-Butanol	mg/Nm ³	360		
2	n-Propanol	mg/Nm ³	980		
Nguồn thải số 07					
1	SO ₂	mg/Nm ³	500		
2	NO ₂	mg/Nm ³	850		
3	CO	mg/Nm ³	1.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Mùi phát sinh tại ống thoát khí của công trình xử lý mùi hôi từ trạm xử lý nước thải công suất 350m³/ngày được thu gom bằng đường ống, chất liệu thép CT3, đường kính D90mm) → Hệ thống xử lý mùi, công suất 8.700m³/giờ.

- Nguồn số 02: Mùi từ các khu vực tiệm bánh mì-Bakery; cửa hàng đồ ăn-Delica → Chụp hút → Đường ống thu gom (đường kính từ 500 mm×400 mm - 950mm×500 mm) → Quạt hút (Lưu lượng 17.100 m³/h) → Ống thải (thép CT3, kích thước 500mm × 400mm, cao 23m tính từ mặt đất).

- Nguồn số 03: Mùi từ các khu vực tiệm bánh và nhà hàng KFC → Chụp hút → Đường ống thu gom (đường kính từ 600 × 400mm - 750 × 500mm → Quạt hút (Lưu lượng 10.000 m³/h) → Ống thải (thép CT3, kích thước 600mm × 400mm, cao 23m tính từ mặt đất).

- Nguồn số 04: Mùi từ các khu vực nhà hàng Lotteria → Chụp hút → Đường ống thu gom (đường kính từ 400 × 500mm – 1400 × 550mm) → Quạt hút (Lưu lượng 10.000 m³/h) → Ống thải (thép CT3, kích thước 750mm × 500mm, cao 23m tính từ mặt đất).

- Nguồn số 05: Mùi từ các khu vực Quầy thịt, cá, kho thịt và cá → Chụp hút → Đường ống thu gom (đường kính từ 350 × 200mm – 1100 × 600mm) → Quạt hút (Lưu lượng 20.950 m³/h) → Ống thải (thép CT3, kích thước 350mm × 200mm, cao 23m tính từ mặt đất).

- Nguồn số 06: Mùi từ các khu vực Quán cafe, khu vực nhượng quyền → Chụp hút → Đường ống thu gom (đường kính từ 200 × 250mm – 300 × 350mm) → Quạt hút (Lưu lượng 2.500 m³/h) → Ống thải (thép CT3, kích thước 200mm × 250mm, cao 23m tính từ mặt đất).

- Nguồn số 07: Khí thải từ máy phát điện dự phòng được thu gom và thải ra ngoài môi trường qua ống thải có đường kính 90 mm, cao 2 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý mùi hôi phát sinh từ trạm xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Mùi phát sinh tại ống thoát khí của công trình xử lý mùi hôi từ trạm xử lý nước thải công suất 350m³/ngày → Quạt hút (công suất 8.700m³/h) → Module khử mùi và khử độc (máy tạo ozone) → Ống thải (chất liệu thép CT3, đường kính D114, cao 23m). Công suất thiết kế: 8.700m³/giờ (145m³/phút).

- Nguồn số 02, 03, 04, 05, 06, 07: Không có

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Trung tâm thương mại, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, đảm bảo nồng độ khí thải ra môi trường đáp ứng theo các quy chuẩn hiện hành.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả, công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89 /GPMT-STNMT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

STT	Nguồn phát sinh	
01	Nguồn số 01	Khu vực máy phát điện.
02	Nguồn số 02	Khu vực trạm xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

STT	Vị trí phát sinh	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)
01	Nguồn số 01	X(m) = 1206330; Y(m) = 604985.
02	Nguồn số 02	X(m) = 1206312; Y(m) = 604993.

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh, tạo khoảng cách cách ly theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy phát điện, máy thổi khí,

máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89 /GPMT-STNMT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	KS	Rắn	6
2	Thuốc diệt trừ các loại gây hại thải	16 01 05	NH	Rắn/lỏng	7
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	48
4	Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	16 01 10	KS	Lỏng	20
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	NH	Rắn	7,01
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	NH	Rắn	0,99
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	NH	Lỏng	40
8	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	KS	Rắn	38
9	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	08 01 02	KS	Rắn	7
10	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	Rắn	7
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu	18 02 01	KS	Rắn	8,4

tại các mã khác), giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại				
TỔNG KHỐI LƯỢNG				265

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 10	13.500
2	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 11	200
3	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	300
4	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	18 01 06	300
TỔNG KHỐI LƯỢNG			14.300

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên; khách tới mua sắm tại siêu thị, bao gồm:

- Rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...) với khối lượng khoảng 399 kg/ngày.

- Rác thải vô cơ (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh,...), khối lượng khoảng 26 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 11 thùng chứa (6 thùng thể tích là 240 lít/thùng, 05 thùng thể tích 120 lít/thùng) có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để thu gom và bảo quản từng loại chất thải rắn nguy hại. Mỗi loại chất thải được lưu giữ trong mỗi thùng riêng biệt có dán tên, mã số chất thải nguy hại theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích: 8m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông cốt thép, bố trí mương thu gom chất thải tràn đổ, mái tôn, xà gồ thép tráng kẽm. Cửa ra vào bố trí tấm kẽm dày 15mm, có dán các băng phân khu vực, trang bị các thùng chứa riêng cho từng loại chất thải.

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dán nhãn cảnh báo tên

của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị điều hòa và thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 05 thùng chứa (thể tích mỗi thùng 600 lít) có nắp đậy, dán nhãn để thu gom và bảo quản từng loại chất thải rắn thông thường. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa trong bể chứa bùn có kích thước (dài, rộng, cao): 3,1m x 2,6m x 3,4m.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích nhà lưu chứa chất thải rắn: 26m²
- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: được xây dựng bằng tường gạch, có mái che, khung sắt, vỉ kè, nền đổ bê tông, có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải. Kho chứa chất thải rắn được đắp nền cao và được quét chống thấm bằng Sika.

- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, trạm, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn để thu gom và bảo quản từng loại với số lượng 10 thùng chứa, thể tích mỗi thùng 120 lít.

2.3.2. Kho/ khu vực lưu chứa trong nhà:

- Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom, phân loại vào 10 thùng rác có nắp đậy (loại 120L nhựa HDPE) và lưu trữ tại khu vực lưu chứa được bố trí tại nhà rác 1 có diện tích 36m².

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Được xây dựng bằng tường gạch, có mái che, khung sắt, vỉ kè, nền đổ bê tông, có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải. Kho chứa chất thải rắn được đắp nền cao và được quét chống thấm bằng Sika.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020

và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 6

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 89 /GPMT-STNMT ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)



1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.
7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.
9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

[Handwritten signature]